

Bản án số: 135/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Văn Lộc
- Bà Mai Thị Tuyết Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Bích Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Kim P, sinh năm: 1986. (vắng mặt)

Thường trú: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Ông và bà Lê Kim P tự nguyện sống chung từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156, ngày 24/11/2005. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được 16 năm. Từ năm 2021 đến nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã. Bản thân ông đã cố gắng hàn gắn gia đình nhưng mâu thuẫn trầm

trọng hơn và ông cảm thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng. Từ năm 2023 đến nay, ông và bà P sống ly thân, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Kim P.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/04/2006 và cháu Nguyễn Phú T1, sinh ngày 12/11/2011. Cháu K đã trưởng thành. Khi ly hôn, ông Tâm G cháu T1 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông T trình bày không có.

- Về nợ chung: Ông T trình bày không có.

Đối với bị đơn bà Lê Kim P đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà P không có ý kiến, đồng thời vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 02/4/2025, bà P đã đồng ý ly hôn với ông T. Về con chung có 02 con chung là cháu Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/04/2006 và cháu Nguyễn Phú T1, sinh ngày 12/11/2011. Cháu K đã trưởng thành. Bà P xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 cho đến khi cháu T1 trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì bà P trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T có đơn xin ly hôn với bà Lê Kim P, sinh năm: 1986, hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quan hệ tranh chấp này là tranh chấp ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì:

Ông Nguyễn Thanh T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Bà Lê Kim P tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Bà Lê Kim P đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng bà P không có ý kiến, đồng thời vắng mặt lần thứ hai không có lý do; ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005, ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Kim P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156, ngày 24/11/2005. Như vậy hôn nhân giữa ông T và bà P được pháp luật công nhận. Xét thấy: Khi đã là vợ chồng thì cả hai phải cùng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nhưng do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Tòa án cũng đã triệu tập bà P để tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai, nhưng bà P đều vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ bỏ mặc và không có thiện chí hay biện pháp gì nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn chung vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về quan hệ con chung: Ông T và bà P có 02 con chung là cháu Nguyễn Vĩ K, sinh ngày 28/4/2006 và cháu Nguyễn Phú T1, sinh ngày 12/11/2011. Cháu K đã trưởng thành. Khi ly hôn, ông T có yêu cầu xin giao cháu T1 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của nguyên đơn ông T và tại bản tự khai ngày 02/4/2025 bà P cũng có nguyện vọng khi ly hôn bà P xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung và theo

nguyện vọng của cháu T1 mong muốn sống cùng với mẹ nên ông T xin được giao cháu T1 cho bà P trực tiếp nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con và bà P vắng mặt tại phiên tòa không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T là có căn cứ, lời đề nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận.

[4] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Do ông Nguyễn Thành T2 là người nộp đơn xin ly hôn nên ông T2 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành T2 được ly hôn với bà Lê Kim P.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Phú T1, sinh ngày 12/11/2011 cho bà Lê Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông Nguyễn Thanh T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về nợ chung và tài sản chung: Ghi nhận lời khai của ông Nguyễn Thanh T trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

5. Về án phí:

Ông Nguyễn Thành T2 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0034985 ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Ông Nguyễn Thành T2 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Phúc